

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DS-PT

Ngày: 31/8/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*”

Xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang và bà Vũ Ngọc Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hà -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Nguyễn Hùng Việt- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28, 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DSST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn Phong H, xã An Đ, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Có mặt

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH xây dựng MT; Địa chỉ: 24 Nguyễn Thị L, thị trấn CT, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Minh T6, sinh năm 1975; Địa chỉ: 197 Nguyễn H, phường 5, TP T, Phú Yên; Có mặt

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Văn M (tên khác: T), sinh năm 1954; Nơi cư trú: Đường Nguyễn Thị L, thị trấn CT, huyện Tuy A, Phú Yên; Vắng mặt

4. **Người làm chứng:**

- Ông Lê Văn T1, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn Bình Ch, xã An Dân,

huyện Tuy A, Phú Yên; Vắng mặt

- Anh Hồ Minh T2, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn Trung L 2, xã An Ngh, huyện Tuy A, Phú Yên; Vắng mặt

- Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn Tân L, xã An C, huyện Tuy A, Phú Yên; Vắng mặt

- Anh Lê Thái T3, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn Phú Tân, xã An C, huyện Tuy A, Phú Yên; Vắng mặt

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn Tân L, xã An C, huyện Tuy A, Phú Yên; Có mặt

- Anh Nguyễn Đức T4, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn Tân L, xã An C, huyện Tuy A, Phú Yên. Vắng mặt

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH xây dựng MT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông và công ty TNHH MT có giao kết hợp đồng giao khoán thầu xây dựng công trình nhà văn hóa thôn Phước H, xã An H, huyện Tuy A với số tiền 145.000.000đ ông đã ứng trước 75.000.000đ, ông phải có trách nhiệm làm hết phần hồ xây dựng và công ty MT cung cấp vật liệu. Ông làm từ giai đoạn phần móng đến xây tô hoàn thiện, nhưng chưa lợp mái thì công ty (Do bà Phan Thị T5 làm đại diện) không cung cấp vật liệu để tiếp tục thi công, ông có gặp bà Tơ thì bà bảo nghỉ không làm nữa. Sau đó 1 tháng, bà Tơ có gọi ông quay lại tiếp tục xây dựng thì ông có tranh cãi với chồng bà Tơ là ông M (tên thường gọi là Thọ) về việc mất xi măng nên ông không tiếp tục làm. Sau đó ông biết Công ty MT có thuê ông Lê Minh T1 tiếp tục hoàn thiện công trình mức số tiền 42.000.000đ. Như vậy bà Tơ còn nợ số tiền công của nguyên đơn là 28.000.000đ nhưng bà Tơ không chịu trả, vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công ty MT trả số tiền nợ là 28.000.000đ và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn trình bày như sau: bị đơn thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng thầu xây dựng nhà văn hóa thôn Phước H, xã An H với số tiền là 145.000.000đ. Ông Th thi công rồi bỏ giữa chừng không thực hiện nữa, sau đó công ty thuê ông Lê Văn T1 hoàn thành phần còn lại với số tiền 42.000.000đ và thuê nhân công ở T làm phần chống sét, đóng trần hoàn thiện đủ số tiền hợp đồng. Công ty MT không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông Hồ Minh T2 làm chứng cho khối lượng hoàn thành công trình của ông Th là không khách quan vì ông Tuy là em vợ của ông Th.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông thống nhất việc công ty MT ký hợp đồng khoán xây dựng 145.000.000đ và ông Th đã tạm ứng

75.000.000đ. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Th tự ý bỏ công trình và công ty phải thuê ông Lê Văn T1 để hoàn thiện công trình với số tiền là 42.000.000đ và một số nhân công ở T số tiền bao nhiêu thì không rõ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DSST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy A đã quyết định:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 385, 398, 410, 413 của Bộ luật dân sự 2005;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th. Buộc bị đơn công ty TNHH MT do bà Phan Thị T5 là giám đốc đại diện có nghĩa vụ trả nợ cho ông Th số tiền còn thiếu của hợp đồng là 28.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quy định thi hành án và thời hạn kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/9/2019, bị đơn công ty MT có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thống nhất bản án sơ thẩm
- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hợp đồng xây dựng: Giữa ông Th và công ty MT có ký kết hợp đồng phân công công trình Nhà văn hóa thôn Phước H, xã An H, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên với số tiền 145.000.000đ (BL 30, 31) theo đó bên công ty MT cung cấp vật tư, ông Th chỉ chịu trách nhiệm thi công. Trong quá trình thi công ông Th có tạm ứng trước số tiền 75.000.000đ, sau đó thì giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn nên ông Th không tiếp tục làm nữa. Sau đó giữa hai bên không nghiệm thu công trình để xác định khối lượng công trình ông Th đã hoàn thành, mà công ty MT tiếp tục thuê ông Lê Văn T1 hoàn thiện công trình với giá trị 42.000.000đ. Căn cứ giá trị hợp đồng phân công công trình ông Th khởi kiện yêu cầu công ty MT trả cho ông số tiền 145.000.000đ – 75.000.000đ (ông Th

đã tạm ứng) - 42.000.000đ (Ông T1 tiếp tục hoàn thiện công trình) = 28.000.000đ mà công ty còn nợ. Công ty MT trình bày có thuê thợ ở T hoàn thiện phần chống sét , đóng trần đã hết số tiền theo hợp đồng tuy nhiên lại không cung cấp được chứng từ việc thuê nhân công ở T.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ về khối lượng hoàn thành công trình, hóa đơn chứng từ việc thuê nhân công, nhưng bị đơn không cung cấp cho Tòa án. Mặt khác, ông Hồ Minh T2 là nhân viên kỹ thuật của công ty MT đồng thời là giám sát công trình có xác nhận ông Th đã hoàn thành $\frac{3}{4}$ công trình. Việc công ty MT cho rằng ông Tuy là em vợ của ông Th nên việc xác nhận là không khách quan tuy nhiên ông Tuy là nhân viên kỹ thuật của công ty, có ký tên tại bảng nghiệm thu khối lượng hoàn thành và sổ nhật ký công trình. Việc ông Tuy được phân công làm giám sát công trình là do công ty MT tự phân công chứ không phải bị ép buộc. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Th buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 28.000.000đ là có căn cứ.

Từ nhận định trên, cần chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn công ty xây dựng MT. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 385, 398, 410, 413 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 29 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Th theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2017. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng MT do bà Phan Thị T5 làm giám đốc đại diện có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Th 28.000.000đ về khoản tranh chấp hợp đồng xây dựng.

2. Về án phí:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng MT phải chịu 1.400.000đ án phí DSST và 300.000đ án phí DSPT. Đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí DSPT ở biên lai thu tiền

số 0011748 ngày 07/10/2019 tại Chi cục THA dân sự huyện Tuy A nên còn phải nộp 1.400.000đ.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Th 950.000đ tiền tạm ứng án phí DSST. Đã nộp ở biên lai thu tiền số 0003364 ngày 13/3/2017 tại Chi cục THA dân sự huyện Tuy A.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Tuy A;
- Chi cục THADS huyện Tuy A;
- Dương sự;
- Lưu: HSVA.

Mai Tấn Hoàng

